

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HSST
Ngày: 11-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Dương Văn Nghiêm

2/ Ông Nguyễn Vĩnh Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Thị Yến L. Sinh ngày: 11/4/2004. Nơi sinh: Cần Thơ.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở: Khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn (văn hóa): 05/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Con ông Trần Văn K, sinh năm 1977 (chết) và bà Đoàn Thị Ngọc C, sinh năm 1978 (sống); Anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2003;

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*

Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1950. (Có mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở: Khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- *Người bị hại:*

Chị **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1) Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1950. (Có mặt)

Nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở: Khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

2) Ông **Phạm Thanh L**, sinh năm 1974. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực Dân cư 3A, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3) Chị **Trần Thanh T**, sinh ngày 16/12/2004. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực 07, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Người giám hộ: Ông **Trần Thanh N** – Quận đoàn Ô.

4) Ông **Đoàn Thanh H**, sinh năm 1968. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực 4, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Ông **Nguyễn Hoàng D** - Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh số 5 - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Cần Thơ tại quận Ô.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Yến L sinh ngày 11 tháng 4 năm 2004, đang ở trọ tại khu vực B, phường P, quận Ô là người làm thuê cho chị Nguyễn Thị Ngọc T là chủ quán nhậu T thuộc khu vực B, phường P, quận Ô. L thường thấy chị T để tiền trong tủ quần áo bằng nhôm nên nảy sinh ý định lấy trộm để tiêu xài cá nhân, lợi dụng lúc chị T đi ra ngoài, L lấy cây kéo bằng kim loại cán màu vàng, mũi nhọn trong quán để cạy ổ khóa tủ và lấy tiền của chị T. Với cách thức trên L thực hiện hành

vi trộm cắp tài sản của chị T 10 lần với tổng số tiền là 22.100.000 đồng (*Hai mươi hai triệu một trăm nghìn đồng*) cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng đầu tháng 11 năm 2020 L lấy trộm số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*);

Lần thứ hai: Sau lần thứ nhất khoảng 02 đến 03 ngày L lấy trộm 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

Lần thứ ba: Sau lần thứ hai khoảng 02 ngày L lấy trộm một chiếc nhẫn màu vàng;

Lần thứ tư: Sau lần thứ ba khoảng 02 ngày L lấy trộm 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*);

Lần thứ năm: Sau lần thứ tư 01 ngày L lấy trộm 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*);

Lần thứ sáu: Sau lần thứ năm khoảng 02 ngày L lấy trộm 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*);

Lần thứ bảy: Sau lần thứ sáu khoảng 02 đến 03 ngày L lấy trộm 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*);

Lần thứ tám: Vào ngày 18 tháng 11 năm 2020 L lấy trộm 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*);

Lần thứ chín: Vào ngày 30 tháng 11 năm 2020 L lấy trộm 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn đồng*);

Lần thứ mười: Vào ngày 01 tháng 12 năm 2020 L lấy trộm 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*).

Sau khi lấy trộm được tiền của chị T, L đưa cho Trần Thanh T là bạn và ở cùng phòng trọ với L số tiền 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*) để mua 01 xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS biển số 65R1- 2370, mua sắm quần áo, giày, dép còn lại 500.000 đồng Công an thu giữ. Đối với chiếc nhẫn L lấy trộm sau khi đem bán được chủ tiệm vàng cho biết là vàng giả nên L đã vứt bỏ vào sọt rác trước cửa phòng trọ.

Qua làm việc chị Nguyễn Thị Ngọc T khai nhận: Do chị T phát hiện bị mất trộm tài sản nhiều lần với tổng số tiền 20.800.000 đồng (*Hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng*) và 02 chiếc nhẫn vàng 24K (loại nhẫn trơn, mỗi chiếc 01 chỉ) nên ngày 28/11/2020 chị quay camera về hướng tủ để tài sản theo dõi, đến ngày 01/12/2020 thì phát hiện L dùng kéo cạy ổ khóa tủ lấy trộm tài sản, nên chị trình báo đến Công an phường P.

Đối với 02 chiếc nhẫn vàng 24K chị Nguyễn Thị Ngọc T khai bị mất trộm nhưng không cung cấp được nguồn gốc, hóa đơn chứng từ và L chỉ thừa nhận có lấy trộm 01 chiếc nhẫn màu vàng nhưng khi đem bán được chủ tiệm vàng cho biết là vàng giả nên vứt bỏ, hiện Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không có cơ sở định giá, để xác định giá trị tài sản.

Đối với Trần Thanh T thừa nhận L có đưa cho T số tiền 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*) để mua xe mô tô, T lấy tiền L đưa mua 01 xe mô tô biển số 65R1- 2370 nhãn hiệu SIRIUS với số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) và T có hùn thêm 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) để sửa xe. T không biết tiền L đưa mua xe và quần áo L tặng là do trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý đối với T. Hiện T không có yêu cầu L trả lại số tiền mà T hùn để sửa xe.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô biển số 65R1- 2370 nhãn hiệu SIRIUS, màu đỏ đen, dung tích xi lanh 110 cm³, số khung: C6407YO13626, số máy: 5C64013626, đã qua sử dụng; 01 (một) con heo bằng đất nung, màu trắng, chấm đen, đã bị vỡ; 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng, cán màu vàng, chiều dài 18cm, đã qua sử dụng; 01 (một) đôi dép nhựa màu xám quai bằng vải màu đen, ghi chữ Win, đã qua sử dụng; 02 (hai) áo khoác bằng vải, màu xám, đen, ghi chữ Ngôi sao, đã qua sử dụng; 01 (một) quần ngắn bằng vải màu đen, ghi chữ London, đã qua sử dụng; 01 (một) quần ngắn bằng vải màu đen, ghi chữ Wrangler, đã qua sử dụng; 02 (một) quần thun, dài, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) quần thun dài, màu đen ghi chữ Alexander Wang, đã qua sử dụng; 01 (một) quần thun dài, màu đen, sọc trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) quần thun dài, màu hồng, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun dài tay, màu hồng, ghi chữ Holly Wood, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun dài tay, màu đen, ghi chữ Holly Wood, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun dài tay, màu trắng, ghi chữ Holly Wood, đã qua sử dụng và số tiền Việt Nam 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), trong đó: 01 (một) tờ mệnh giá 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), số seri: WO18781073; 03 (ba) tờ mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*), số seri: PO13840542, YS11532330, QT13093643.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu được nhận xe mô tô biển số 65R1- 2370 mà L đã dùng tiền lấy trộm mua, về số tiền còn lại thì giữa chị và L tự thỏa thuận, hiện chị T đã làm đơn xin bãi nại và miễn trách nhiệm hình sự cho L, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKS-OM ngày 27/01/2021 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ đã truy tố ra trước Tòa án nhân

dân quận Ô, thành phố Cần Thơ để xét xử Trần Thị Yến L về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Qua đó, có phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng, cán màu vàng, chiều dài 18cm, đã qua sử dụng; 01 (một) con heo bằng đất nung, màu trắng, chấm đen, đã bị vỡ.

Trả lại cho bị cáo (có bà Trần Thị H là đại diện hợp pháp): 01 (một) đôi dép nhựa màu xám quai bằng vải màu đen, ghi chữ Win, đã qua sử dụng; 02 (hai) áo khoác bằng vải, màu xám, đen, ghi chữ Ngôi sao, đã qua sử dụng; 01 (một) quần ngắn bằng vải màu đen, ghi chữ London, đã qua sử dụng; 01 (một) quần ngắn bằng vải màu đen, ghi chữ Wrangler, đã qua sử dụng; 02 (một) quần thun, dài, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) quần thun dài, màu đen ghi chữ Alexander Wang, đã qua sử dụng; 01 (một) quần thun dài, màu đen, sọc trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) quần thun dài, màu hồng, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun dài tay, màu hồng, ghi chữ Holly Wood, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun dài tay, màu đen, ghi chữ Holly Wood, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun dài tay, màu trắng, ghi chữ Holly Wood, đã qua sử dụng.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc T: Số tiền Việt Nam 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), trong đó: 01 (một) tờ mệnh giá 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), số seri: WO18781073; 03 (ba) tờ mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*), số seri: PO13840542, YS11532330, QT13093643.

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/01/2021 của Công an quận Ô)

Tịch thu lưu hồ sơ: 01 (một) thẻ nhớ 2GB, ghi chữ Micro HC, bên trong chứa đoạn ghi hình có âm thanh buổi ghi lời Trần Thị Yến L đã được niêm

phong đóng dấu tròn Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ô, chữ ký ghi tên Trần Thị Yến L, cán bộ niêm phong Trần Thanh Chiêu, ký hiệu GH; 01 (một) USB màu tím, nắp kim loại màu bạc, dung lượng 4G bên trong chứa đoạn camera ghi hình tại quán nhậu Ngọc T, được niêm phong đóng dấu tròn màu đỏ của công an phường P, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Ngọc T, cán bộ niêm phong Trần Thanh Chiêu, ký hiệu CM.

+ Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thống nhất thoả thuận về việc bị cáo (có bà Trần Thị H là đại diện hợp pháp) có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 22.100.000 đồng (*Hai mươi hai triệu một trăm ngàn đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện thống nhất thoả thuận giữa bị cáo (có bà Trần Thị H là đại diện hợp pháp) và bị hại chị Nguyễn Thị Ngọc T như sau: Thống nhất giao quyền sở hữu 01 (một) xe mô tô biển số 65R1- 2370 nhãn hiệu SIRIUS, màu đỏ đen, dung tích xi lanh 110 cm³, số khung: C6407YO13626, số máy: 5C64013626, đã qua sử dụng tương đương bồi thường số tiền là 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*) cho bị hại, bị hại được quyền liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô để nhận xe.

Bị hại đồng ý nhận và cản trừ số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) nên bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 9.100.000 đồng (*Chín triệu một trăm ngàn đồng*). Ngoài ra bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt ra xem xét.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Thống nhất tội danh và điều luật truy tố bị cáo theo nội dung cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tuy nhiên, hình phạt Kiểm sát viên đề nghị là quá nặng, bị cáo cần phải áp dụng biện pháp khác phù hợp hơn, bị cáo có đủ căn cứ để hưởng án treo, bị cáo phạm tội có mức hình phạt dưới 03 năm, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo chấp hành tốt sự triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bà Trần Thị H là đại diện hợp pháp của bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả, theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 bị cáo thoả điều kiện hưởng án treo do bị cáo không gây nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có sửa đổi, có thể tự cải tạo nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo. Hơn nữa, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mất mẹ bỏ đi, bị cáo thiếu tình thương, chăm sóc của gia đình, bà nội của bị cáo thì lớn tuổi, tuy còn nhỏ nhưng bị cáo có ý thức lao động để phụ giúp bà nội, bị cáo lấy trộm tiền là nhất thời do bị cáo là người chưa thành niên, theo kết luận giám định bị cáo có độ tuổi vừa bước qua tuổi trẻ em nên nhận thức còn hạn chế. Vì vậy, đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 54, 90, 91, 101, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Bị cáo (có bà Trần Thị H là đại diện hợp pháp) thống nhất lời bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tranh luận: Viện kiểm sát đã xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo không có nơi cư trú rõ ràng (ở trọ), bị cáo biết dùng kéo cạy tủ, biết cúp cầu dao điện để camera không ghi hình được nên bị cáo không phải nhất thời phạm tội, bị cáo lấy trộm tài sản của bị hại rất nhiều lần, sau khi bị hại gắn camera thì mới bị phát hiện. Bị cáo lấy trộm tài sản 10 lần, có 04 lần lấy trộm số tiền trên 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) thuộc tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm.

- Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Bị cáo là người có nơi cư trú rõ ràng theo Luật cư trú, bị cáo vẫn ở trọ tại khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ, bị cáo không đi nơi khác. Bị cáo phạm tội 10 lần nhưng rất thành khẩn khai báo, bị cáo biết dùng kéo không là tình tiết định khung, xét cần có biện pháp giáo dục bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP cho bị cáo được hưởng án treo.

- Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội.

- Bị cáo thừa nhận hành toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Ô, điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; của Viện kiểm sát nhân dân Quận Ô, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội: Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa; lời khai của bị cáo thể hiện tại các biên bản ghi lời khai, biên bản

hỏi cung bị can; Biên bản ghi lời khai của người bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Do thường thấy chị T để tiền trong tủ quần áo bằng nhôm, nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm để tiêu xài cá nhân, lợi dụng lúc chị T đi ra ngoài, bị cáo lấy cây kéo bằng kim loại cán màu vàng, mũi nhọn để cạy ổ khóa tủ và lấy tiền của chị T. Với cách thức trên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị T 10 lần với tổng số tiền là 22.100.000 đồng (*Hai mươi hai triệu một trăm nghìn đồng*).

Hành vi bị cáo lấy trộm tổng số tiền là 22.100.000 đồng (*Hai mươi hai triệu một trăm nghìn đồng*) đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Ô truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người chưa thành niên, khả năng nhận thức hành vi còn hạn chế, nhưng bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo chỉ vì tham lam, muốn có tiền nhanh chóng để phục vụ nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần.

Do đó, để có tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa hành vi sai trái của mình.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thể hiện bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đại diện hợp pháp của bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo là người chưa thành niên, có hoàn cảnh gia đình khó khăn do cha mất, mẹ bỏ đi nơi khác, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét để cân nhắc hình phạt đối với bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất nội dung Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Đối với ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo: Người phạm tội là người chưa thành niên nên nhận thức không đầy đủ được tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi phạm tội. Xét các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa nên cần áp dụng mức án nghiêm khắc để nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Vì vậy, việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt là 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo là chưa phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo (có bà Trần Thị H là đại diện hợp pháp) và bị hại chị Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện thống nhất thỏa thuận về việc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 22.100.000 đồng (*Hai mươi hai triệu một trăm ngàn đồng*).

Bị cáo (có bà Trần Thị H là đại diện hợp pháp) và bị hại chị Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện thống nhất thỏa thuận như sau: Thống nhất giao quyền sở hữu 01 (một) xe mô tô biển số 65R1- 2370 nhãn hiệu SIRIUS, màu đỏ đen, dung tích xi lanh 110 cm³, số khung: C6407YO13626, số máy: 5C64013626, đã qua sử dụng tương đương bồi thường số tiền là 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*) cho bị hại.

Bị hại đồng ý nhận và cản trừ số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) do bà Trần Thị H tự nguyện giao nộp nên bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 9.100.000 đồng (*Chín triệu một trăm ngàn đồng*).

Xét sự tự thỏa thuận nêu trên là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ngoài ra bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt ra xem xét.

Đối với Trần Thanh T thừa nhận bị cáo có đưa cho T số tiền 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*) để mua xe mô tô, T lấy tiền bị cáo đưa mua 01 (một) xe mô tô biển số 65R1- 2370 nhãn hiệu SIRIUS với số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) và T có hùn thêm 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) để sửa xe. T không biết tiền bị cáo đưa mua xe và quần áo bị cáo tặng là do trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý đối với T. T không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền hùn để sửa xe nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Để tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo khi chấp hành án nên không phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[7] Về vật chứng của vụ án: Theo đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa nêu trên là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Trần Thị Yến L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Thị Yến L 01 (một) năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng, cán màu vàng, chiều dài 18cm, đã qua sử dụng; 01 (một) con heo bằng đất nung, màu trắng, chấm đen, đã bị vỡ.

- Trả lại cho bị cáo (có bà Trần Thị H là đại diện hợp pháp của bị cáo): 01 (một) đôi dép nhựa màu xám quai bằng vải màu đen, ghi chữ Win, đã qua sử dụng; 02 (hai) áo khoác bằng vải, màu xám, đen, ghi chữ Ngôi sao, đã qua sử dụng; 01 (một) quần ngắn bằng vải màu đen, ghi chữ London, đã qua sử dụng; 01 (một) quần ngắn bằng vải màu đen, ghi chữ Wrangler, đã qua sử dụng; 02 (một) quần thun, dài, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) quần thun dài, màu đen ghi chữ Alexander Wang, đã qua sử dụng; 01 (một) quần thun dài, màu đen, sọc trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) quần thun dài, màu hồng, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun dài tay, màu hồng, ghi chữ Holly Wood, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun dài tay, màu đen, ghi chữ Holly Wood, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun dài tay, màu trắng, ghi chữ Holly Wood, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc T: Số tiền Việt Nam 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), trong đó: 01 (một) tờ mệnh giá 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), số seri: WO18781073; 03 (ba) tờ mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*), số seri: PO13840542, YS11532330, QT13093643.

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/01/2021 của Công an quận Ô)

- Tịch thu lưu hồ sơ: 01 (một) thẻ nhớ 2GB, ghi chữ Micro HC, bên trong chứa đoạn ghi hình có âm thanh buổi ghi lời Trần Thị Yến L đã được niêm phong đóng dấu tròn Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ô, chữ ký ghi tên Trần Thị Yến L, cán bộ niêm phong Trần Thanh Chiêu, ký hiệu GH; 01 (một) USB màu tím, nắp kim loại màu bạc, dung lượng 4G bên trong chứa đoạn camera ghi hình tại quán nhậu Ngọc T, được niêm phong đóng dấu tròn màu đỏ của công an phường P, chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Ngọc T, cán bộ niêm phong Trần Thanh Chiêu, ký hiệu CM.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thống nhất thoả thuận về việc bị cáo (có bà Trần Thị H là đại diện hợp pháp của bị cáo) có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 22.100.000 đồng (*Hai mươi hai triệu một trăm ngàn đồng*).

- Ghi nhận sự tự nguyện thống nhất thoả thuận giữa bị cáo (có bà Trần Thị H là đại diện hợp pháp) và bị hại chị Nguyễn Thị Ngọc Thảo như sau: Thống nhất giao quyền sở hữu 01 (một) xe mô tô biển số 65R1- 2370 nhãn hiệu SIRIUS, màu đỏ đen, dung tích xi lanh 110 cm³, số khung: C6407YO13626, số máy: 5C64013626, đã qua sử dụng tương đương bồi thường số tiền là 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*) cho bị hại, bị hại được quyền liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô để nhận xe (*Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/01/2021 của Công an quận Ô Môn*).

- Bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 9.100.000 đồng (*Chín triệu một trăm ngàn đồng*).

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải nộp 455.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- Công an Q. Ô;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lê Thị Thúy Hằng